

Số: 203/2020/QĐST-HNGĐ

T, ngày 10 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 186/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/7/2020 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Ông Trịnh Văn S, sinh năm 1987 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1986; cùng địa chỉ thường trú: Tổ 4, ấp 5, xã Q, huyện H, tỉnh Bình Phước; tạm trú: Tổ 1, khu phố V, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trịnh Văn S và bà Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2007 ngày 02-5-2007. Trong quá trình chung sống, ông S và bà D có 02 con chung tên Trịnh Thị Phương T, sinh ngày 19-11-2007 và cháu Trịnh Thị Phương U, sinh ngày 15-5-2017. Ngày 15-7-2020, ông S và bà D có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Theo Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31-7-2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, ông S và bà D đã thỏa thuận được các vấn đề theo đơn yêu cầu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31-7-2020 của Tòa án nhân dân thị xã T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Văn S và bà Nguyễn Thị D thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Thị Phương T, sinh ngày 19-11-2007 cho bà Nguyễn Thị D nuôi dưỡng. Ông Trịnh Văn S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Giao con chung tên Trịnh Thị Phương U, sinh ngày 15-5-2017 cho ông Trịnh Văn S nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con

Ông Trịnh Văn S và bà Nguyễn Thị D đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật. Ông S và bà D được quyền đi lại thăm con, không ai được quyền cản trở. Trường hợp các bên lạm dụng quyền thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông S, bà D có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của bên còn lại. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Ông Trịnh Văn S và bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0051514 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- CCTHADS thị xã T;
- UBND xã Q, huyện H, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga